

# Phát triển kinh tế tri thức trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

LÊ HẠNH VÂN\*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, kinh tế tri thức đang dần trở thành một khái niệm phổ biến, được nhiều quốc gia trên thế giới lựa chọn làm định hướng xây dựng chiến lược phát triển. Đặc biệt, Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và tại Việt Nam đã góp phần thúc đẩy sự bùng nổ ra sáng tạo và phát triển ứng dụng tri thức trong mọi lĩnh vực, nổi bật như: công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch, công nghệ sinh học, vật liệu mới... Đi cùng sự phát triển này, nền kinh tế trong và ngoài nước đang dần thay đổi sâu sắc, toàn diện, chuyển dịch từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức; từ phát triển sản xuất lấy lao động và tài nguyên thiên nhiên làm nền tảng sang chủ yếu dựa vào tri thức; từ nền văn minh công nghiệp sang nền văn minh trí tuệ và từ nền kinh tế khép kín sang nền kinh tế mở. Từ thực tiễn này đã cho thấy, sự liên quan mật thiết giữa quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

## KINH TẾ TRI THỨC VÀ CNH, HĐH - GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN CỐT LÕI TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Dưới sự tác động mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện đại, tri thức ngày càng phát huy vai trò quan trọng và khả năng mang lại hiệu quả kinh tế sâu rộng đối với tất cả các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ thương mại. Đặc biệt, trong bối cảnh nước ta đang thực hiện CNH, HĐH, tri thức và sự sáng tạo của con người đã trở thành nền tảng tiên quyết cho sự phát triển công nghệ, khoa học, kỹ thuật. Do đó, song song với quá trình CNH, HĐH là sự hình thành tất yếu của nền kinh tế tri thức trên thế giới. Hai khái niệm này không thể tách rời khi mỗi quốc gia muốn hướng đến sự phát triển bền vững và tầm nhìn chiến lược cho tương lai, vận mệnh của mình.

Vai trò của kinh tế tri thức đã được xác định rõ tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng là "yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hóa". Việc gắn phát triển kinh tế tri thức với quá trình CNH, HĐH là cơ sở nhất quán đã được Đảng ta khẳng định một lần nữa tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng: "Phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ, trước hết là công

*nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ tự động, nâng cao năng lực nghiên cứu - ứng dụng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao".* Từ định hướng này, Đảng ta đã cho thấy, sự hệ thống và bước phát triển mới trong tư duy khi xác định rõ chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế tri thức là lấy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng.

Cũng theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã nhấn mạnh: "phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, góp phần tăng nhanh được suất, chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước". Với mục tiêu rõ ràng này, một lần nữa chúng ta thấy được định hướng chiến lược của Đảng trong việc tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học, kỹ thuật làm yếu tố nòng cốt phát triển kinh tế.

\* Tổng cục Hải quan

Khác với những mô hình kinh tế khác, kinh tế tri thức là nền kinh tế khuyến khích sử dụng tri thức là nhân tố chủ yếu cho sự tăng trưởng, tạo ra của cải, việc làm, sản phẩm khoa học và công nghệ cao. Do đó, với tính chất đặc thù là tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, tác động lớn đến nền kinh tế quốc dân, có khả năng tái tạo và sản sinh liên tục, khai thác tri thức nhân loại nhằm thay thế cho nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt; các ngành công nghệ cao không những làm gia tăng vật chất, mà còn mở rộng sức mạnh trí tuệ. Trong thời đại mới, đánh giá sự bền vững của một nền kinh tế sẽ dần không còn dựa vào giá trị tài nguyên thiên nhiên hay của cải vật chất khác, khi mà hàm lượng tri thức ẩn chứa trong các sản phẩm, dịch vụ mới là yếu tố tiên quyết hàng đầu, điều xác định một quốc gia có hay không đạt đến trình độ kinh tế tri thức. Qua mỗi kỳ Đại hội của Đảng, nhận thức và tư duy của Đảng ta về kinh tế tri thức càng trở nên hoàn thiện và nhạy bén hơn khi đề cập đến biện pháp, cách thức, lộ trình phát triển kinh tế tri thức thông qua chủ trương gắn kết chặt chẽ CNH, HĐH với kinh tế tri thức. Lộ trình phát triển tuân tự kết hợp với quốc gia chủ đầu tư, tập trung nguồn lực đầu tư công nghệ cao vào những lĩnh vực, ngành nghề có sẵn điều kiện để tăng trưởng nhanh chóng, như: nông nghiệp, gia công sản xuất, may mặc...

Tri thức và công nghệ của nhân loại luôn thay đổi và được thay thế nhanh chóng bởi tri thức và công nghệ mới. Do đó, khi toàn cầu hoá kinh tế đang là xu thế tất yếu và khách quan, thì đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam tiếp thu những thành tựu khoa học và công nghệ mới nhằm nâng cao khả năng thích nghi với xu hướng phát triển hiện đại. Trong bối cảnh hiện nay, những tiến bộ về khoa học và công nghệ là sự mở rộng của ứng dụng tri thức và tăng cường hợp tác phát triển giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Theo đó, thông qua việc tham gia tích cực vào xu thế phát triển này, Việt Nam sẽ không chỉ nhanh chóng tiếp cận với tri thức nhân loại, mà còn tạo ra môi trường cạnh tranh tích cực, động lực thúc đẩy sự sáng tạo trong nước. Trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra rằng, việc tiếp cận, đưa các sản phẩm khoa học và công nghệ cao vào ứng dụng trong nền kinh tế Việt Nam không còn

là một vấn đề quá mới mẻ thông qua việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các công ty công nghệ quốc tế gia nhập thị trường trong nước. Tuy nhiên, việc sở hữu và làm chủ các công nghệ này lại là một vấn đề khác đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam. Để xử lý "bài toán" này, chúng ta cần nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa của việc đầu tư cho phát triển năng lực sáng tạo của mỗi người dân và của cả hệ thống chính trị vì chỉ khi chúng ta theo kịp tri thức của nhân loại, thì mới có thể tự mình vận hành được nền kinh tế tri thức một cách bền vững và hiệu quả.

## NHỮNG THÁCH THỨC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KINH TẾ TRI THỨC TẠI VIỆT NAM

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế tại Việt Nam ngày càng diễn ra mạnh mẽ và lan tỏa khi việc thu hút FDI và giá trị xuất - nhập khẩu luôn tăng cao hơn hàng năm. Tuy nhiên, doanh nghiệp nội địa lại chưa đạt được trình độ công nghệ tương xứng, chủ yếu vẫn đứng ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu. Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Chỉ số sáng tạo toàn cầu năm 2019 của Việt Nam xếp thứ 42/129 nền kinh tế - là chỉ số đứng thứ 3 trong khối ASEAN, sau Singapore và Malaysia. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, cũng theo Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), thì Chỉ số cạnh tranh toàn cầu năm 2019 của Việt Nam chỉ đứng thứ hạng 67/141 nền kinh tế với 61,5 điểm, tương 10 bậc so với năm 2018; nhưng chỉ xét riêng trong khối ASEAN, thì với thứ hạng này, Việt Nam mới chỉ đứng cao hơn Lào, Campuchia và Myanmar. Những chỉ số này tuy có thể không phải là quy chuẩn tham chiếu để đánh giá tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng chúng cũng đặt ra một vấn đề khác về khoảng trống giữa năng lực sáng tạo và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Phải chăng khả năng sáng tạo trong nước tuy có, nhưng chưa được phát triển đúng cách để biến chúng thành sức mạnh cạnh tranh của quốc gia trên thị trường quốc tế? Từ thực tiễn này có thể thấy, Việt Nam đang chịu ảnh hưởng đồng thời cả thuận lợi và thách thức từ làn sóng hội nhập, phát triển kinh tế tri thức trên toàn cầu. Chỉ khi làm rõ và có kế hoạch khắc phục được những hạn chế, thách thức này, thì Việt Nam mới có thể không để lỡ mất cơ hội thúc đẩy phát triển mới nền kinh tế tri thức, theo kịp sự tăng trưởng mạnh mẽ của các nền kinh tế khác.

Cách mạng Công nghiệp 4.0 làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu thị trường lao động và cách quản trị hệ thống nguồn nhân lực khi việc ứng dụng công nghệ cao vào các ngành sản xuất và dịch vụ đang trở thành một xu thế của thời đại. Lao động thủ công sẽ dần được thay thế bởi các hệ thống tự động hoá và trí tuệ nhân tạo. Theo đó, xu thế này dẫn đến việc nền kinh tế đòi hỏi sử dụng nhân lực trình độ cao để tạo ra các sáng chế mới, phát minh mới và giá trị mới. Tuy nhiên, điều này cũng sẽ tạo ra nhiều áp lực đối với thị trường lao động, đặc biệt là với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, tình trạng thất nghiệp sẽ trở nên phổ biến, sự phân hoá giữa

nhóm lao động có kỹ năng cao và nhóm lao động có kỹ năng thấp sẽ ngày càng sâu rộng. Tình trạng này sẽ làm mất cân bằng trong cơ cấu thị trường lao động khiến nền kinh tế quốc gia trở nên dễ bị tổn thương trước yêu cầu lớn về hàm lượng tri thức trong mọi lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt dưới tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0. Ngoài ra, tình trạng dư thừa lao động cũng tạo ra các áp lực lên các vấn đề an sinh xã hội, phúc lợi khác cũng như thế do phát triển kinh tế nói chung, khó tạo động lực cho việc xây dựng kinh tế tri thức.

Thực tế, phần lớn GDP của nước ta là thu được từ các ngành sản xuất chưa được ít hàm lượng tri thức cao, như: khai thác tài nguyên thiên nhiên và công nghiệp chế biến... Vì vậy, để thay đổi bản chất của nền kinh tế đã tồn tại có hệ thống nhiều năm nay, cần thực hiện tái cơ cấu không chỉ nền kinh tế, mà còn cả nền tảng phát triển giáo dục, chính sách, pháp luật, định hướng ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào mọi mặt đời sống. Đây là một thách thức vô cùng to lớn trong quá trình xây dựng nền tảng phát triển kinh tế tri thức tại Việt Nam khi phải thực hiện đồng bộ hàng loạt các cải cách phức tạp và vĩ mô này. Trong khi chúng ta phải tìm kiếm các giải pháp đồng bộ, thì nhiều nước phát triển đã chạm đến nền kinh tế tri thức. Sự chênh lệch trong tốc độ phát triển này dễ dàng khiến các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, phải đối diện với nguy cơ tụt hậu lớn. Theo đó, trong thời đại ngày nay, sự khác biệt lớn nhất giữa các quốc gia chính là sự cách biệt về tri thức và thách thức lớn nhất của chúng ta là vượt qua sự cách biệt này.

Kinh tế tri thức là sự phát triển nâng cao của một nền kinh tế ổn định. Với tình hình thực tế hiện nay, nền kinh tế tại Việt Nam còn tồn tại một số vấn đề lớn, như: tỷ lệ nợ công, thâm hụt ngân sách nhà nước cao, doanh nghiệp trong nước chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình độ công nghệ thấp, còn phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư nước ngoài..., thì việc đạt được kinh tế tri thức là một thách thức lớn.

Bên cạnh đó, theo kinh nghiệm của các nước phát triển trên thế giới, thì giai đoạn phát triển bùng nổ, vượt qua bẫy thu nhập trung bình thường diễn ra trong thời kỳ dân số vàng. Tuy Việt Nam hiện đang trong thời kỳ này, nhưng nó cũng được dự báo có khả năng sẽ kết thúc sớm do quá trình thực hiện các chính sách kiểm soát dân số nhiều năm và sự thay đổi trong lối sống, tư duy về các vấn đề hôn nhân, gia đình của người dân trong đời sống hiện đại ngày nay. Cụ thể, ngày 28/4/2020 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030" nhằm khuyến khích việc kết hôn trước năm 30 tuổi và nâng mức sinh. Từ đó, có thể thấy, nguy cơ thời kỳ dân số vàng sẽ sớm kết thúc là thực sự hiện hữu, đe dọa quá trình phát triển kinh tế tại Việt Nam. Đặc biệt, đối với sự đòi hỏi lớn về việc tiếp cận công nghệ cao của một nền kinh tế tri thức, thì việc thiếu hụt lực lượng lao động trẻ sẽ làm khả năng ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong mọi ngành nghề, lĩnh vực sản xuất trở nên kém hiệu quả và chậm chạp hơn, càng làm gia

tăng khoảng cách phát triển giữa Việt Nam và các nước khác.

Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đã đề ra mục tiêu tổng quát đó là: *"phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao"*. Trong đó, một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025 nêu: *"Duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GI) thuộc 3 nước dẫn đầu ASEAN"*; *"Internet băng thông rộng phủ 100% các xã"* và *"Thuộc nhóm bốn nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc"*. Thông qua Nghị quyết này có thể thấy, xuyên suốt từ mục tiêu tổng quát đến mục tiêu cụ thể, Bộ Chính trị đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Công nghệ thông tin cũng là lĩnh vực chính tạo ra các sản phẩm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo - là nhân tố đại diện tiêu biểu cho một nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, theo Bộ Thông tin và Truyền thông, trong 50.000 chỉ nhân công nghệ thông tin tốt nghiệp mỗi năm, chỉ khoảng 30% số này sẽ xin được việc làm ngay, còn 70% phải tham gia đào tạo lại (Đặng Chung, 2019). Số liệu này phản ánh mạnh mẽ một thực tế tại Việt Nam về sự chênh lệch trong công tác giáo dục với nhu cầu và kỳ vọng thực tế của thị trường lao động. 70% sinh viên tốt nghiệp phải tham gia đào tạo lại, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin là một con số đáng suy ngẫm và đặt ra nhiều thách thức trong kế hoạch hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 52-NQ/TW cũng như theo kịp tốc độ phát triển công nghệ số trên thế giới.

Từ thực trạng này có thể thấy, các ngành đại diện cho nền kinh tế tri thức hay còn được gọi là các ngành công nghệ cao, trong đó có công nghệ thông tin đóng vai trò trụ cột cốt lõi tạo nền nền kinh tế tri thức bền vững. Trong thời đại của công nghệ, hơn bao giờ hết tri thức trở thành sức mạnh nội lực, là lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia và là sức hút chủ yếu của ngoại lực. Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao và hàm lượng tri thức lớn trong mọi lĩnh vực ngành nghề, đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế là một



Thực tiễn đã cho thấy sự liên quan mật thiết giữa quá trình CNH, HĐH và sự phát triển của nền kinh tế tri thức

trong các cản trở lớn nhất trong việc gây dựng một môi trường sáng tạo nhằm tạo động lực cạnh tranh và thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế tại Việt Nam trong thời kỳ kỷ nguyên số.

## GIẢI PHÁP VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Để phát triển kinh tế phù hợp với xu thế quốc tế, đặc biệt, hướng tới nền kinh tế tri thức nhằm giúp Việt Nam tự mình làm chủ công nghệ, có đủ khả năng cạnh tranh công bằng trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, thì việc phối hợp các giải pháp cải cách toàn diện nhiều lĩnh vực trong quá trình CNH, HĐH là hết sức cần thiết, cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

*Một là, đổi mới tư duy theo kịp xu thế thời đại.* Khi thế giới đang chuyển sang phương thức phát triển thông qua việc khai thác trí tuệ nhân loại thay cho nguồn tài nguyên thiên nhiên có sẵn và sẽ dần cạn kiệt, thì việc coi trọng đội ngũ tri thức là tài sản cốt lõi của đất nước được coi là phù hợp với tư duy chung của thế giới. Ảnh hưởng sâu rộng của vấn đề này lên sự phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu đòi hỏi Chính phủ và mọi người dân Việt Nam cần quan tâm hơn nữa đến việc nuôi dưỡng và phát triển năng lực sáng tạo, nâng cao tri thức trở thành sức mạnh cạnh tranh của quốc gia. Việc thay đổi tư duy về phát triển tri thức như một trụ cột cốt lõi của nền kinh tế sẽ giúp tiến trình đổi mới toàn diện nhiều lĩnh vực trở nên thực tiễn và phù hợp với nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế hơn. Khi tầm quan trọng của tri thức trong phát triển kinh tế được đánh giá đúng mực sẽ tạo nền tảng thuận lợi cho việc đổi mới

mô hình tăng trưởng, xây dựng quốc gia học tập, phát triển hạ tầng thông tin, hệ thống đổi mới sáng tạo.

*Hai là, thực hiện các giải pháp cải cách chủ trương, hệ thống chính sách.* Trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước kết hợp hội nhập kinh tế, việc hoàn thiện tiêu chí nước công nghiệp hiện đại là cần thiết nhằm làm rõ các tiêu chí đánh giá mức độ hội nhập quốc tế, mức độ phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, Việt Nam cần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường nhằm tạo môi trường pháp lý lành mạnh, phù hợp với các cam kết quốc tế, thúc đẩy đổi mới tư duy, sáng tạo, phát huy tầm quan trọng của khoa học và công nghệ nhằm khuyến khích phát triển ứng dụng tri thức vào các lĩnh vực công nghệ cao. Bên cạnh đó, cần tập trung đưa ra các giải pháp đồng bộ để tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng gia tăng giá trị các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới trở thành nhân tố mũi nhọn phát triển nền kinh tế. Song song với đó là việc quyết liệt cắt giảm các kế hoạch, dự án đầu tư không hiệu quả nhằm huy động toàn bộ nguồn lực tập trung cho phát triển các lĩnh vực công nghệ cao khai thác tri thức trong phương thức quản lý vận hành và sử dụng.

Hệ thống chính sách cũng cần xem xét việc tăng cường các biện pháp gia tăng giá trị cho nền kinh tế quốc gia, đặc biệt trước làn sóng cạnh tranh của các nước trên thế giới, như: hạn chế khai thác và xuất khẩu tài nguyên thô; tiếp thu khoa học và công nghệ đưa vào ứng dụng nội địa, thay vì sử dụng các sản phẩm chế biến sẵn hay như thu hút vốn đầu tư nước ngoài phải đi kèm với chuyển giao công nghệ, tập trung đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Ngoài ra, để việc ứng dụng khoa học và công nghệ trở nên có tác động sâu rộng, lan tỏa, thì việc này phải được thực hiện đồng bộ, có hệ thống, cụ thể bắt đầu bằng việc đẩy nhanh xây dựng Chính phủ điện tử để bộ máy chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn nữa.

Việc Chính phủ triển khai các giải pháp cải thiện môi trường pháp lý và hệ thống quản trị công này cũng giúp phát huy dân chủ, tạo ra hình ảnh một nền kinh tế lành mạnh, hấp dẫn với người lao động và doanh nghiệp trong, ngoài nước. Điều này giúp khuyến khích

phát triển tri thức mới thông qua việc phản biện và tranh luận cởi mở.

*Ba là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, đổi mới phương thức quản lý kinh tế.* Khoa học và công nghệ chỉ có thể phát triển mạnh mẽ, sâu rộng trong một nền kinh tế thị trường hoàn thiện. Trên nền tảng đó, kinh tế tri thức mới thực sự được hình thành và đem lại giá trị cho đất nước. Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là trọng trách của Chính phủ trong việc bảo hộ quyền sở hữu của người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, bảo đảm công khai, minh bạch. Sự can thiệp bằng chính sách này phải đảm bảo dựa trên nguyên tắc thị trường, nhưng không trái với quy luật thị trường giúp ổn định thị trường theo hướng công bằng, dân chủ, văn minh, làm nền tảng cho việc khuyến khích phát triển kinh tế tri thức.

Đổi mới quản lý kinh tế theo hướng quản lý tri thức và quản lý dựa trên tri thức nhằm tạo động lực sáng tạo, phát triển kiến thức mới, nâng cao giá trị nguồn lực trí tuệ. Theo đó, quá trình hình thành kinh tế tri thức đòi hỏi vai trò, chức năng của Chính phủ cần được chuyển từ kiểm soát sang định hướng phát triển, nuôi dưỡng các nhân tố mới và khơi gợi sự sáng tạo. Do đó, việc thiết lập một hệ thống đổi mới, sáng tạo đồng bộ trong nền kinh tế sẽ giúp tăng tính liên kết giữa đào tạo, khoa học và công nghệ và sản xuất, kinh doanh. Điều này thúc đẩy quá trình cải cách, phát triển môi trường nghiên cứu công nghệ cao, các quỹ đầu tư mạo hiểm, quốc gia khởi nghiệp nhằm lan tỏa làn sóng khai thác và ứng dụng tri thức vào thực tiễn kinh tế trong nước, nâng cao vị thế cạnh tranh tại thị trường quốc tế.

*Bốn là, mở rộng đầu tư, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao.* Theo đó, việc đầu tư cho giáo dục và đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao trình độ dân trí, phát huy nguồn lực con người Việt Nam là giải pháp lâu dài và hiệu quả nhất cho quá trình đổi mới, xây dựng đất nước. Đứng trước sự thiếu hụt nhân lực trong quá trình hướng tới nền kinh tế tri thức, cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực

chất lượng cao gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, lấy nhân tài làm trung tâm để đào tạo, bồi dưỡng nhằm rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển trên thế giới.

Bên cạnh đó, cần chú trọng hơn nữa xây dựng các chính sách khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo, định hướng nghề nghiệp phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và nền kinh tế, tạo ra các mối liên kết giữa trường học và doanh nghiệp nhằm tránh lãng phí nguồn lực và thời gian trong việc đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng mang lại nhiều thành quả sáng tạo, nâng cao hàm lượng tri thức trong các sản phẩm, dịch vụ của nền kinh tế. Định hướng phát triển lâu dài cần hướng tới việc xây dựng hệ thống học tập suốt đời, thiết lập xã hội học tập, trở thành cái nôi nuôi dưỡng tri thức.

*Năm là, phát triển nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ cao.* Để sớm đạt được mục tiêu phát triển đất nước theo hướng CNH, HĐH, thì cần gia tăng giá trị do tri thức tạo ra. Theo đó, cần tăng cường nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đưa vào ứng dụng thực tiễn. Hiện nay, việc phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam đang ở giai đoạn đầu, trong bối cảnh hướng tới mục tiêu CNH, HĐH. Do đó, trước khi phát triển đạt được các thành tựu lớn hơn hay rút ngắn khoảng cách với các nền kinh tế tri thức phát triển, chúng ta cần tập trung làm tốt một số công việc, đó là: tiếp nhận chuyển giao công nghệ; đầu tư xây dựng các khu công nghệ cao, đủ sức tiếp thu và cải tiến công nghệ; đầu tư phát triển đồng bộ cho việc ứng dụng các ngành công nghệ mũi nhọn vào sản xuất thực tiễn. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (2006). *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*, truy cập từ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang-lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-x-cua-dang-1537>
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (2006). *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, truy cập từ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang-lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-x-cua-dang-1526>
4. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) (2019a). *Chỉ số sáng tạo toàn cầu năm 2019*
5. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) (2019b). *Chỉ số cạnh tranh toàn cầu năm 2019*
6. Đặng Chung (2019). *"Khát" nhân lực chất lượng cao, 70% chỉ nhân công nghệ phải đào tạo lại*, truy cập từ <https://laodong.vn/giao-duc/khat-nhan-luc-chat-luong-cao-70-cu-nhan-cong-nghe-phai-dao-tao-lai-665874.laod>